

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: Luật Kinh tế

MÃ NGÀNH: 8380107

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1165/QĐ-NTT ngày 3 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Economic Law

+ Tên tiếng Việt: Luật Kinh tế

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2024

Thời gian đào tạo: 02 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Luật Kinh tế

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Luật

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại liên lạc: 1900 2039 (Số nội bộ: 436)

2. Các tiêu chí tuyển sinh và chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Yêu cầu đối với người dự tuyển:

Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, người dự tuyển đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế phải có các điều kiện sau đây:

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ:

Về văn bằng

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp Riêng ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Luật xác định và đề xuất.

Về trình độ ngoại ngữ:

- Những người có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Về thâm niên công tác:

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự tuyển ngay.
- Những người có Bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có một công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập.

Danh mục ngành phù hợp do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học Đào tạo, trong đó nêu rõ những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển và được công khai trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học.

Các điều kiện khác:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo (viết tắt là: PLOs)

Thạc sĩ Luật Kinh tế		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
<u>Kiến thức</u>		
PLO1	K1	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu chung về các nguyên lý, học thuyết cơ bản về triết học, phương pháp nghiên cứu luật học, nhà nước và pháp luật Việt Nam, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh.
PLO2	K2	Phân tích được các kiến thức lý luận liên ngành về pháp luật kinh tế và lý thuyết pháp lý chuyên sâu phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh.
PLO3	K3	Vận dụng các kiến thức pháp luật để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn phát sinh thuộc lĩnh vực kinh tế trong hoạt động nghề nghiệp.
<u>Kỹ năng</u>		
PLO 4	S1	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống.

PLO 5	S2	Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh vào hoạt động nghề nghiệp.
PLO 6	S3	Nghiên cứu phát triển và sử dụng tri thức khoa học pháp luật kinh doanh một cách sáng tạo trong môi trường hành nghề pháp luật.
<u>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</u>		
PLO7	A1	Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác.
PLO 8	A2	Khả năng tự nghiên cứu, tự định hướng trong hoạt động nghề nghiệp và có năng lực đổi mới sáng tạo phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Các điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo.
- Có đơn xin bảo vệ luận văn thạc sĩ, đồng thời phải có ý kiến của người hướng dẫn khoa học là luận văn/đề án đạt các yêu cầu và đồng ý cho học viên bảo vệ luận văn.
- Đáp ứng tỷ lệ trùng lặp đạo văn theo quy định của Nhà trường.
- Học viên không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật đình chỉ học tập.
- Không trong thời gian xem xét giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn/đề án.
- Hoàn thành việc đóng học phí và kinh phí theo quy định.

5. Các điều kiện tốt nghiệp

- Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bảo vệ luận văn/đề án đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn/đề án được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn/đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết

luyện của Hội đồng đánh giá luận văn/đề án và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ;

- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

6. Thang điểm

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 10 cụ thể như sau:

TT	Thang điểm 10	Điểm quy đổi sang điểm chữ	Thang điểm 4	Xếp loại
a) Loại đạt:				
1.	8,5 – 10,0	A	4	Giỏi
2.	7,0 – 8,4	B	3	Khá
3.	5,5 – 6,9	C	2	Trung bình
b) Loại không đạt:				
4.	Dưới 5,5	F	0	Kém

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

PEO1: Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về lý luận nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành về pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh hiện nay.

PEO2: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn vào việc phân tích, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh, thương mại và góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước và xã hội.

PEO3: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, có khả năng học tiếp các CTĐT Luật Kinh tế ở bậc cao hơn để hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

Sự phù hợp của mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

Mục tiêu đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)							
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
PEO1	x	x	x					
PEO2				x	x	x		
PEO3							x	x

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo

Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ với Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7).

Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của Học viên tốt nghiệp.

Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

2. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
C1: Phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực luật kinh tế.	Triết học (3TC)	5 môn	12 tín chỉ	20%
	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)			
	Pháp luật về công ty (3TC)			
	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam (2TC)			
	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp (2TC)			
C2: Tư duy và phản biện khoa học.	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật (3TC)	2 môn	18 tín chỉ	30%
	Luận văn thạc sĩ (15TC)			
C3: Phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề pháp lý với	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu (3TC)	18 môn	40 tín chỉ	66,7%
	Pháp luật về đầu tư (2TC)			
	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế (2TC)			

tư cách chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế.	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu (3TC)			
	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại (3TC)			
	Pháp luật tài chính, ngân hàng (2TC)			
	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dung (2TC)			
	Pháp luật về an sinh xã hội (2TC)			
	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh (2TC)			
	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam (2TC)			
	Tiếng Anh chuyên ngành (3TC)			
	Pháp luật thương mại quốc tế (2TC)			
	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh (2TC)			
	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (2TC)			
	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại (2TC)			
	Pháp luật so sánh đương đại (2TC)			
	Pháp luật về thương mại điện tử (2TC)			
	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (2TC)			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ

Hướng nghiên cứu

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)

Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	6	10%
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	27	45%
Nghiên cứu khoa học - Luận văn (15 tín chỉ) - Dự án, đồ án, chuyên đề nghiên cứu khác (12- 15 tín chỉ)	27	45%
Kiến thức khác (nếu có)		

4. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế

MÃ SỐ HỌC PHẦN			Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH, TN, TL
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			6	90	0
1	073318	Triết học	3	45	0
2	076816	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0
PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH			27	405	0
Các học phần bắt buộc			19	285	0
3	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0
4	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	30	0
5	076819	Pháp luật về công ty	3	45	0

6	076820	Pháp luật về đầu tư	2	30	0
7	076821	Pháp luật tài chính, ngân hàng	2	30	0
8	076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	30	0
9	076823	Pháp luật thương mại quốc tế	2	30	0
10	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	2	30	0
11	076825	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	2	30	0
Tự chọn			8	120	0
12	076827	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	2	30	0
13	076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	2	30	0
14	076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0
15	076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2	30	0
16	076834	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	30	0
17	076835	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	0

18	076838	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại	2	30	0
19	076840	Pháp luật về an sinh xã hội	2	30	0
20	076841	Pháp luật so sánh đương đại	2	30	0
Nghiên cứu khoa học			27	135	540
21	076847	Luận văn thạc sĩ	15	0	450
Các chuyên đề nghiên cứu khác			12	135	90
22	076853	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu	3	30	30
23	076856	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	3	30	30
24	076858	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	3	30	30
25	076851	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	3	45	0
TỔNG CỘNG			60	630	540

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến:

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số giờ Phương pháp giảng dạy			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự họ c		
HỌC KỲ 1			16	225	30	54 5		

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số giờ Phương pháp giảng dạy			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
Bắt buộc			14	195	30	475		
1	073318	Triết học	3	45	0	105	Elearning	Trắc nghiệm
2	076851	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
3	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm
5	076819	Pháp luật về công ty	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
6	076856	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
Tự chọn			2	30	0	70		
7	076827	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
8	076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình

TT	Mã số	Tên học phần	Tín chỉ	Số giờ Phương pháp giảng dạy			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 2			14	180	60	460		
Bắt buộc			12	150	60	390		
1	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
2	076820	Pháp luật về đầu tư	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
3	076853	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
4	076858	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
5	076821	Pháp luật tài chính, ngân hàng	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
Tự chọn			2	30	0	70		
6	076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Thảo luận nhóm
7	076840	Pháp luật về an sinh xã hội	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Thảo luận nhóm

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số giờ Phương pháp giảng dạy			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
HỌC KỲ 3			15	225	0	525		
Bắt buộc			11	165	0	385		
1	076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
2	076825	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
3	076816	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	105	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
4	076823	Pháp luật thương mại quốc tế	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Thuyết trình
5	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
Tự chọn			4	60	0	140		
6	076834	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số giờ			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
7	076838	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
8	076841	Pháp luật so sánh đương đại	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm
9	076835	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
10	076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2	30	0	70	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
HỌC KỲ 4			15	0	675	75		
1	076847	Luận văn thạc sĩ	15	0	675	75	Tự học có hướng dẫn	Luận văn

6. Sự đóng góp của các học phần cho Chuẩn đầu ra chương trình
(Ma trận mức độ đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra chương trình theo thang IPM)

I (Introduce): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs (Program Performance Criteria) ở mức độ đơn giản.

P (Practice): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ trung bình.

M (Master): Đây là những môn học dạy các kiến thức/kỹ năng để thực hiện các PPCs ở mức độ thành thạo.

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
1	073318	Triết học	1	I			I			I	I
2	076851	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	1	I			I		I		I
3	076817	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	1	I		I	I		I		I
4	076819	Pháp luật về công ty	1		I	I		I			P
5	076827	Tham những và phòng, chống tham những ở	1	P			I			P	

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
		Việt Nam									
6	076830	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	1		I			P		P	
7	076856	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu (đào HK 2)	1		P	P		P	P		P
8	076818	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	P		P	P			P	P
9	076821	Pháp luật tài chính,	2		P	P	P		P		P

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
		ngân hàng									
10	076831	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2		P	P	P		P	P	P
11	076840	Pháp luật về an sinh xã hội	2		P	P	P	P	P	P	P
12	076853	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu	2		M	M		M	M		M
13	076858	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh	2			M	M	M	M		M

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
		chấp kinh tế, thương mại									
14	076820	Pháp luật về đầu tư	2		M	M		M	M		M
15	076823	Pháp luật thương mại quốc tế	3		M		M		M		M
16	076822	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	3		M	M	M		M	M	M
17	076825	Tranh chấp lao động và giải quyết	3			M	M	M	M		M

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
		tranh chấp lao động ở Việt Nam									
18	076816	Tiếng Anh chuyên ngành	3		M				M		M
19	076824	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	3		M	M		M	M	M	M
20	076832	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	3			M		M	M		M
21	076834	Pháp luật về chứng khoán và thị	3		M	M		M	M		M

T T	Mã môn học	Tên môn học	Họ c kỳ	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
				Kiến thức			Kỹ năng			Thái độ	
				PLO ₁	PLO ₂	PLO ₃	PLO ₄	PLO ₅	PLO ₆	PLO ₇	PLO ₈
				(K ₁)	(K ₂)	(K ₃)	(S ₁)	(S ₂)	(S ₃)	(A ₁)	(A ₂)
		trường chứng khoán									
22	076835	Pháp luật về thương mại điện tử	3		M	M		M	M		M
23	076838	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại	3		M			M	M	M	
24	076841	Pháp luật so sánh đương đại	3	M			M		M		M
25	076847	Luận văn thạc sĩ	4	M		M	M		M		M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần (mỗi môn tóm tắt 100 – 200 từ)

Triết học: 3 tín chỉ

Học phần Triết học nghiên cứu hệ thống các tri thức lý luận về lịch sử triết học, các quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về triết học, mối quan hệ giữa triết học và các khoa học, triết học về con người.

Học phần Triết học bao gồm hệ thống các tri thức được phân bố thành 7 bài, với thời lượng 45 giờ, trong đó học viên được tiếp cận hệ thống các tri thức cơ bản như: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Khái luận về triết học phương Đông và phương Tây; Khái lược về triết học Mác – Lênin chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học; Triết học về con người.

Tiếng Anh chuyên ngành: 3 tín chỉ

Học phần giúp học viên có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật bằng tiếng Anh thông qua các bài giảng có nội dung kiến thức pháp luật do các chuyên gia Luật viết bằng tiếng Anh. Từ đó, học viên sẽ hiểu được những khái niệm Tiếng Anh cơ bản về pháp luật và nhà nước, mối liên hệ giữa các khái niệm đó. Từ đó học viên có thể tự giải quyết tình huống, diễn giải ý kiến của mình, tranh luận với người khác bằng tiếng Anh về một số chủ đề pháp luật liên quan cụ thể.

Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại: 2 tín chỉ

Học phần gồm 6 chương giúp học viên có được những kiến thức chuyên sâu của pháp luật về nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại, các vấn đề như lý thuyết về nhà nước và pháp luật hiện đại, nhà nước và pháp luật trong lĩnh vực công và tư, quản trị nhà nước hiện đại. Môn học bổ trợ các kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan, đặc biệt liên quan đến những môn học mang tính lý luận chuyên sâu. Môn học giúp học viên nâng cao tu duy, lý luận pháp lý. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như tư duy phản biện và sáng tạo.

Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế: 2 tín chỉ

Học phần gồm 6 chương giúp học viên có được những kiến thức chuyên sâu của pháp luật về quyền con người, vấn đề lịch sử của việc bảo đảm quyền con người trong kinh doanh, quy định pháp luật Việt Nam và quốc tế về bảo đảm quyền con người trong kinh doanh. Môn học bổ trợ các kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan, đặc biệt liên quan đến luật

doanh nghiệp, luật nhân quyền quốc tế. Môn học giúp học viên vận dụng được những kiến thức pháp lý về quyền con người trong công việc. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như tư duy phản biện và sáng tạo.

Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cần thiết về các hành vi tham nhũng, đặc trưng của hành vi tham nhũng và các chế tài đối với các hành vi tham nhũng, từ đó, học viên có thể hình thành thái độ tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về quản trị doanh nghiệp: 2 tín chỉ

Học phần giúp học viên tổng hợp được những kiến thức pháp luật cơ bản trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp để vận dụng vào thực tiễn kinh doanh tại doanh nghiệp. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về công ty: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức pháp lý chuyên sâu về các loại hình công ty đang hoạt động trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam; loại hình doanh nghiệp; cấu trúc vốn; quy chế thành lập, hoạt động, giải thể, phá sản doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại doanh nghiệp. Thời lượng giảng dạy học phần này là 45 giờ lý thuyết.

Pháp luật về đầu tư: 2 tín chỉ

Học phần gồm 7 chương giúp học viên có được những kiến thức chuyên sâu của pháp luật về đầu tư, điều kiện tham gia đầu tư, thủ tục đầu tư và các nội dung khác trong quá trình đầu tư. các hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm: Hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Môn học bổ trợ các kiến thức pháp luật chuyên ngành liên quan, đặc biệt liên quan đến luật doanh nghiệp, luật đất đai, luật thuế. Môn học giúp học viên vận dụng được những kiến thức pháp lý về đầu tư trong công việc. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như tư duy phản biện và sáng tạo.

Pháp luật tài chính, ngân hàng: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức liên quan đến lĩnh vực tài chính công; ngân sách nhà nước bao gồm: khái niệm ngân sách nhà nước, hệ thống ngân sách nhà nước, chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; trình tự, thủ tục trong việc lập, phê chuẩn, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước; những quy định về thu, chi ngân sách nhà nước; việc quản lý quỹ ngân sách nhà nước cũng như các quy định của pháp luật

về thanh tra tài chính, kiểm toán nhà nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, học viên cũng được cung cấp các kiến thức chuyên sâu trong hoạt động ngân hàng. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh: 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đất đai và quản lý về đất đai; chế độ sở hữu toàn dân về đất đai; quản lý quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; các quy định về chuyển quyền sử dụng đất, thanh tra đất đai và giải quyết tranh chấp đất đai; chế độ pháp lý về quản lý các loại đất. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật thương mại quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần giúp học viên tổng hợp được các kiến thức cơ bản về quan hệ pháp luật thương mại quốc tế, tổ chức hoạt động của tổ chức thương mại quốc tế (WTO) và hệ thống văn bản pháp luật của WTO. Qua đó, học viên có thể áp dụng các quy định này để phân tích, bình luận các vụ kiện thực tế trong lĩnh vực thương mại quốc tế và rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, học viên còn vận dụng được các quy định pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và vận chuyển hàng hóa quốc tế để có thể tư vấn cho khách hàng trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh: 2 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề khái quát như khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Đồng thời, học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh như chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam: 2 tín chỉ

Môn học này giúp cho học viên cao học nhận diện được các loại tranh chấp lao động và cách thức giải quyết tranh chấp lao động tại Việt Nam. Mặc dù pháp luật lao động cho phép các bên của quan hệ lao động được tự do, tự nguyện trong việc thỏa thuận nhằm xác lập các điều kiện lao động, song trong quá trình mua - bán sức lao động, nói cách khác, trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, giữa các chủ thể có thể xuất hiện các xung đột, mâu thuẫn, bất đồng. Những mâu thuẫn, bất đồng này có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, thỏa ước lao động khi một trong hai bên cho rằng

bên kia vi phạm thỏa thuận đã ký kết nhưng cũng có thể phát sinh khi một trong hai bên muốn thay đổi, bổ sung hay gia hạn hợp đồng, thỏa ước.

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế: 2 tín chỉ

Học phần sẽ trang bị cho học viên sự hiểu biết về các khái niệm và thách thức của pháp luật về mua bán hàng hóa quốc tế và kỹ năng phân tích một cách phê bình luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Học viên sẽ có được kiến thức chuyên sâu về các vấn đề pháp lý từ góc độ so sánh và quốc tế.

Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán: 2 tín chỉ

Học phần giúp cho học viên cụ thể hóa những kiến thức cơ bản, nền tảng về lịch sử hình thành, cơ chế hoạt động, chỉ báo thị trường chứng khoán; nắm vững các qui định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trang bị cho học viên một số kiến thức và kỹ năng cho hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực mở tài khoản, mua bán chứng khoán và giải quyết các tranh chấp liên quan phát sinh từ hoạt động phát hành và giao dịch chứng khoán. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về thương mại điện tử: 2 tín chỉ

Học phần bao gồm 07 chương với các kiến thức cơ bản về đặc trưng của pháp luật thương mại điện tử như: đặc điểm của thương mại điện tử, vai trò của thương mại điện tử, cách thức xác lập hợp đồng qua mạng, chữ ký điện tử, thực hiện hợp đồng (giao hàng, cung ứng dịch vụ), thanh toán, giải quyết tranh chấp.

Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại: 2 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức chuyên sâu về khái niệm, các loại hình bảo hiểm, vai trò của bảo hiểm đối với đời sống xã hội và cá nhân. Các chủ thể kinh doanh bảo hiểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và các đại lý bảo hiểm. Nội dung của hợp đồng bảo hiểm, trình tự giao kết, thực hiện hợp đồng cũng như việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm. Tìm hiểu một số loại hợp đồng bảo hiểm con người, hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự...Hoạt động quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong bảo hiểm. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Pháp luật về an sinh xã hội: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho học viên các vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về ASXH. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung cho hệ thống chính sách xã hội nhiều cấp độ để tất cả các thành viên trong xã hội đều được tương trợ,

giúp đỡ ở mức độ hợp lý khi bị giảm, mất thu nhập hoặc gặp các rủi ro, khó khăn trong cuộc sống. Trên cơ sở đó, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: BHXH, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội (bảo trợ xã hội), giải quyết tranh chấp ASXH. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, học phần Luật ASXH còn nghiên cứu ở một mức độ nhất định quan điểm, quy định của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về ASXH.

Pháp luật so sánh đương đại: 2 tín chỉ

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản trong nghiên cứu pháp luật nước ngoài cũng như kiến thức về các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới. Bao gồm: hệ thống pháp luật Anh - Mỹ; hệ thống pháp luật Châu Âu; hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa ở Triều Tiên; hệ thống pháp luật Hồi giáo; hệ thống pháp luật hỗn hợp đặc thù như pháp luật Trung Quốc, Nhật Bản...

Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng: 2 tín chỉ

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về cạnh tranh và pháp luật về cạnh tranh; các khái niệm thị trường liên quan và xác định thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lý liên quan trong việc chống lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, chống độc quyền, xác định hành vi bán hàng đa cấp bất chính, v.v... từ đó đưa ra những giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả pháp luật về cạnh tranh, xác định các hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị pháp luật cấm nhằm tạo sự thuận lợi cho hoạt động cạnh tranh lành mạnh trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế ở nước ta hiện nay. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết.

Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

Tất cả học viên sau quá trình học tập đều phải thực hiện luận văn thạc sĩ. Học phần tạo cơ sở, điều kiện để học viên nghiên cứu và thực hiện đề tài khoa học về chuyên ngành luật kinh tế. Đây là tiền đề quan trọng để học viên lựa chọn nghề nghiệp của mình, như nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng hoặc tiếp tục nghiên cứu ở bậc cao hơn. Thời lượng giảng dạy học phần này là 450 giờ thực hành viết luận văn, trong đó có 5 giờ hướng dẫn thực hiện luận văn thạc sĩ.

Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu: 3 tín chỉ

Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề khái quát như khái niệm luật thương mại, các đối tượng của luật thương mại, chủ thể luật thương mại và nội dung quản lý nhà nước về luật thương mại; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong pháp luật về luật thương mại. Đồng thời, học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về

luật thương mại trong hoạt động kinh doanh thương mại, giải quyết tranh chấp trong thương mại. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.

Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các loại hợp đồng thông dụng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; vấn đề sở hữu trí tuệ và quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Thông qua học phần này, người học có thể vận dụng các kiến thức về hợp đồng vào thực tế để tư vấn cho khách hàng khi soạn thảo, ký kết hợp đồng hoặc giải quyết các tranh chấp do vi phạm hợp đồng. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.

Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại: 3 tín chỉ

Môn học trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về tranh chấp trong kinh doanh; Nhận diện được quan hệ tranh chấp; Các phương thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài, qua đó, tranh bị cho học viên các kỹ năng giải quyết, đánh giá điều kiện, chuẩn bị tâm lý, thu thập chứng cứ lập vi bằng, kỹ năng tranh biện và phục hồi thời hiệu khởi kiện khi đã hết thời hiệu. Thời lượng giảng dạy học phần này là 30 giờ lý thuyết, 30 giờ thực hành.

Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành nghiên cứu pháp luật một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Hướng dẫn về các bước thực hiện một nghiên cứu pháp luật, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu văn bản luật. Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu và các bước hoạt động nghiên cứu khoa học. Nắm vững cách thức viết, trình bày bản báo cáo kết quả nghiên cứu. Giúp học viên luyện tập để có thể thực hiện được các tiểu luận, đề án, khóa luận tốt nghiệp về chuyên ngành Luật Kinh tế.

Học phần cũng cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, tráo trở, ngụy biện trong tư duy, lập luận của người khác....Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến pháp luật (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và một số tình huống đời thường để học viên vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ THAM KHẢO

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TPHCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	180 tín chỉ	Tổng số tín chỉ của CTĐT Luật KT trình độ ThS ĐH NTT tương đối bằng các trường khác, trừ ĐH Tây Anh Quốc.
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)	25 môn/60 tín chỉ	24 môn/60 tín chỉ	26 môn/60 tín chỉ	27 môn/60 tín chỉ	18 môn/60 tín chỉ	Cấu trúc chương trình của CTĐT Luật KT trình độ

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
						ThS ĐH NTT tương đối bằng các trường khác, trừ ĐH Tây Anh Quốc.
- Kiến thức đại cương	6 tín chỉ	7 tín chỉ	7 tín chỉ	2 tín chỉ	0 tín chỉ	Khối kiến thức đại cương khá tương đồng với các trường

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
- Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	27 tín chỉ	33 tín chỉ	38 tín chỉ	43 tín chỉ	180 tín chỉ	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tương đồng với Trường ĐH Văn Lang nhưng cao hơn so với ĐH KT TPHCM, khá tương đồng với các trường ĐH nước ngoài

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
- Nghiên cứu khoa học	27 tín chỉ, gồm: Luận văn: 15 tín chỉ Các chuyên đề NCKH	20 tín chỉ, gồm: Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ Các chuyên đề thực hành: 11 tín chỉ	15 tín chỉ (Luận văn)	15 tín chỉ (Luận văn)	60 tín chỉ (Luận văn)	Nhiều hơn với các trường ĐH trong nước và nước ngoài
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)	Không chia chuyên ngành					

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
Phương pháp giảng dạy/học tập	Trực tiếp trên lớp (Thuyết giảng, Thảo luận nhóm, Thực hành tại cơ quan, tổ chức hành nghề luật)	Trực tiếp (Thuyết giảng, Thảo luận nhóm)	Trực tiếp (Thuyết giảng, Thảo luận nhóm)	Trực tiếp trên lớp (Thuyết giảng, Làm việc theo nhóm, cá nhân)	Trực tiếp trên lớp (Thuyết giảng, Làm việc theo nhóm, cá nhân)	Phương pháp giảng dạy của Trường ĐH NTT tương tự như các trường ĐH khác, đặc biệt có nội dung thực hành tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TPHCM	CĐR CTĐT ngành Luật và kinh tế được công nhận bởi Trường ĐH Hamburg, Đức	CĐR CTĐT ngành Luật thương mại và kinh doanh quốc tế của Trường ĐH Tây Anh Quốc	Nhận xét
Học phí	Khoảng 75 triệu/khóa	80 triệu/khóa	65 triệu/khóa	Không đối sánh	Không đối sánh	Học phí tương đương so với các trường

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy trong chương trình:

Các học phần trong chương trình đào tạo được chia thành 4 học kỳ, tương ứng với 2 năm học. Học phần đại cương, cơ sở và cốt lõi ngành được phân bổ đều trong các học kỳ. Học kỳ 4 dành cho học viên làm luận văn tốt nghiệp.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá:

Lý thuyết: gồm các bài kiểm tra tự luận để đánh giá kết quả giữa kỳ và kết thúc học phần. Nội dung bài kiểm tra tự luận gồm 2 phần: phần trắc nghiệm gồm các câu nhận định đúng sai và nêu cơ sở pháp lý; phần tự luận gồm các bài tập giải quyết tình huống pháp lý thực tế.

Tỷ lệ điểm được phân bổ: bài kiểm tra giữa kỳ chiếm tỷ lệ 20%-30%, bài kiểm tra kết thúc học phần chiếm 50% - 60%.

Thực hành:

- Gồm các bài thảo luận nhóm theo các đề tài cho sẵn, được thực hiện ngay trong giờ học, tỷ lệ chiếm 10%-30% điểm số.
- Các bài thuyết trình được thực hiện vào các giờ thực hành, các nhóm gồm từ 5-7 thành viên, thực hiện thuyết trình trong vòng 15 phút về 1 đề tài pháp lý cụ thể, tỷ lệ 10%-30% điểm số.

Luận văn thạc sĩ:

- Tất cả học viên cao học đều phải thực hiện luận văn thạc sĩ. Đề tài luận văn được chọn dựa trên danh mục đề tài cho sẵn hoặc học viên có thể đề xuất đề tài mới và được chấp thuận, và không được trùng với đề tài đã được thực hiện trước đó.
- Quy cách thực hiện luận văn và cách tính điểm số cụ thể được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Nhà trường.

3. Mô tả thêm các hướng dẫn khác do các đơn vị đào tạo, ngành đào tạo yêu cầu.

Theo yêu cầu đặc thù của ngành Luật kinh tế, học viên cần rèn luyện kỹ năng tự tra cứu văn bản pháp luật và cập nhật những văn bản mới được ban hành. Đồng thời, học viên cần luyện

tập các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết như tư vấn, soạn thảo hợp đồng, đơn khởi kiện cho khách hàng và tham gia các phiên tòa thực tế để rèn luyện kỹ năng tranh tụng.

4. Yêu cầu về Cơ sở vật chất (Ví dụ: phòng học, trang thiết bị, phòng nghe nhìn, phòng máy tính,...)

Phòng thực hành nghề luật được thiết kế theo mô hình phiên tòa giả định, diện tích 40m², trang bị đầy đủ bàn ghế dành cho thẩm phán, thư ký phiên tòa, luật sư, kiểm sát viên, bị cáo,... và trang phục dành cho thẩm phán, kiểm sát viên.

Phòng học được thiết kế thông minh, hiện đại với hệ thống bàn học có thể di chuyển được giúp học viên thuận tiện khi thảo luận theo nhóm và trang bị máy chiếu, loa để học viên trình bày bài thuyết trình trong các môn học chuyên ngành.

 **HIỆU TRƯỞNG**
(Ký tên và đóng dấu)



TS. TRẦN ÁI CÀM

TRƯỞNG KHOA
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

TS. ĐẶNG THỊ THU HUYỀN